TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-01-2023.
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Tài;

2. Bà Trần Ánh Nhạn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Đan Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 512/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôntheo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 vàvà Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số 456, đường T, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Hồng T, sinh năm: 1950.

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13tháng 07năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự tìm hiểu quen biết vàchung sống với nhau vào năm 1984, không có đăng ký kết hôn. Bà và ông T chung sống đến năm

1985 thì phát sinh mâu thuẫn và ông T đã bỏ đi từ thời gian đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai ông bà vẫn không gặp nhau, không hòa giải hàn gắn gia đình được. Nên nay nhận thấy không còn tình cảm nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hồng T.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung tên Lê Thị Thu D, sinh năm 1985. Hiện con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợchung: Bà trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Đối với bị đơn –ông Lê Hồng T trình bày (Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-10-2022):

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà M chung sống với nhau vào năm 1984, không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống được khoảng một tháng thì phát sinh mâu thuẫn và từ thời gian đó ông đã bỏ ra đi và ly thân với bà M cho đến nay, Trong thời gian ly thân hai ông bà vẫn không gặp nhau, không hòa giải hàn gắn gia đình được.Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không chung sống với nhau được nữa nên ông đồng ý ly hôn với bà Lê Thị M.

Về con chung: Ông và bà M có một con chung tên Lê Thị Thu D, sinh năm 1985. Hiện con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:*Nguyên đơn bà Lê Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Lê Hồng T đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông T là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

*Về nội D vụ án:*Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M, cho bà M được ly hôn với ông Lê Hồng T. Về con chung: Bà M, ông T có 01 con chung tên Lê Thị Thu D, sinh năm 1985, con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên ông bà thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M, ông Ttrình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê

Thị M là người cao tuổi nên được miễn án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Lê Hồng T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:Bà M, ông Ttrên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 1984, không có đăng ký kết hôn nhưng bà M và ông T chung sống tự nguyện trước ngày 03-01-1987 là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà M trình bày mâu thuẫn phát sinh là do vợ chồng chung sống được 01 năm thì ông T bỏ nhà đi cho đến nay. Trong quá trình làm việc ông T cũng thừa nhận là có sống chung với bà M từ năm 1984, nhưng sống chung được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn và ông đã bỏ đi cho đến nay. Ông bà đã ly thân từ năm 1985 đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai cũng không có giải pháp khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, cho bà M được ly hôn với ông T là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị M và ông Lê Hồng T có 01 người con chung tên Lê Thị Thu D, sinh năm 1985. Hiện con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên ông bà thống nhất không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Bà Lê Thị M và ông Lê Hồng T trình bày không cókhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Lê Thị M và ông Lê Hồng T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị M là người cao tuổi nên được miễn án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân:Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị M với ông Lê Hồng T.

Bà Lê Thị M được ly hôn với ông Lê Hồng T.

2. Về con chung: Ghi nhận bà Lê Thị M vàông Lê Hồng T có 01 người con chung tên Lê Thị Thu D, sinh năm 1985, con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên ông bà thống nhất không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị M và ông Lê Hồng T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị M và ông Lê Hồng T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị M là người cao tuổi nên được miễn án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà M, ông T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THA Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân